

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DSST  
Ngày: 13- 12- 2022  
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**  
**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế H

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Trung
2. Bà Trần Thị Nơi

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hà Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bé Thị Th, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà , đường H, khu đô thị Ph, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông L Văn L, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1988 và chị Nông Thị Thu H1, sinh năm 1989; Đều ở địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đàm Văn Th, sinh năm 1978; Đăng ký HKTT: Số nhà , đường H, khu đô thị Ph, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện ở địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn

(Ông L, chị H1, anh H đều có mặt tại phiên tòa. Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn; biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông L Văn L trình bày:*

Chị Bé Thị Th và vợ chồng anh H, chị H1 là chỗ bạn bè với nhau. Cuối năm 2020 vợ chồng chị H1 có đặt vấn đề với chị Th để vay tiền làm ăn kinh doanh. Chị Th đã cho vợ chồng anh H, chị H1 vay tổng số tiền là 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng) thành nhiều đợt và không tính lãi suất, cụ thể như sau:

1. Lần 1 vào tháng 10/2020 chị Th cho chị H1 vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); thời hạn trả ghi không rõ

2- Lần 2 ngày 16/01/2021, chị Th cho chị H1 vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) chị Th chuyển khoản vào số tài khoản của chị H1, không thời hạn

3- Lần 3 ngày 19/01/2021 chị Th cho chị H1 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không thời hạn

4- Lần 4 ngày 28/01/2021 chị Th cho chị H1 vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), hạn 30 ngày trả

5- Lần 5 ngày 29/01/2021 chị Th cho vợ chồng chị H1 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không thời hạn

6- Lần 6 ngày 02/02/2021, chị Th cho chị H1 vay 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng), không thời hạn

7- Lần 7 ngày 05/02/2021 chị Th cho chị H1 vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), hạn 02 tháng trả

8- Lần 8 ngày 09/02/2021 chị Th cho chị H1 vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) chuyển vào tài khoản của chị H1 tại Ngân hàng MB, thời hạn trả ghi không rõ

9- Lần 9 ngày 10/02/2021 chị Th cho chị H1 vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), hạn 02 tháng trả

10- Lần 10 ngày 04/3/2021 chị Th cho chị H1 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), hạn 01 tháng trả

11- Lần 11 ngày 07/3/2021 chị Th cho chị H1 vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), hạn 01 tháng trả

Nay chị Th yêu cầu vợ chồng chị H1, anh H phải trả chị Th số tiền nợ gốc 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng). Đối với các khoản vay có thời hạn, không có lãi, đề nghị anh H, chị H1 phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng là 13,5%/năm, tính từ ngày 08/4/2021 cho đến khi anh H, chị H1 thanh toán xong khoản nợ. Đối với

các khoản vay không thời hạn hoặc thời hạn không cụ thể và không có lãi, đề nghị giải quyết về lãi suất theo quy định của pháp luật. Toàn bộ số tiền chị Th cho vợ chồng chị H1 vay theo chị Th khai là tiền riêng của chị không liên quan đến chồng chị là anh Đàm Văn Th. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của anh Đàm Văn Th theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn là chị Nông Thị Thu H1 trong bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:*

Chị xác nhận có nợ chị Th số tiền 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng). Ngày 26/4/2021 chị Th có đến gia đình chị đòi tiền nhưng chị chưa có trả và xin trả dần vì nay chị không có điều kiện kinh tế. Chị không đồng ý trả lãi vì trong quá trình vay chị đã trả lãi chị Th tổng số tiền là 113.810.000 đồng (Một trăm mười ba triệu tám trăm mười nghìn đồng). Mục đích chị vay tiền để mở cửa hàng kinh doanh quần áo, đồ trang sức, mục đích để phát triển kinh tế gia đình. Việc chị vay tiền chị Th chồng chị là anh Trần Mạnh H không biết, chị không bàn bạc gì với anh H.

*Bị đơn là anh Trần Mạnh H trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:*

Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Th và không đồng ý việc chị Th khởi kiện anh là bị đơn trong vụ án. Anh không có giao dịch vay tiền với chị Th. Việc chị Th chuyển tiền vào tài khoản của anh là do chị H1 chuyển nhờ tài khoản và anh không biết là tiền gì. Anh biết việc chị H1 mở cửa hàng kinh doanh và anh có hỗ trợ chị H1 một phần vốn để kinh doanh nhưng bị thua lỗ. Anh đồng ý cùng chị H1 trả chị Th tiền nợ gốc, không đồng ý trả tiền lãi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đàm Văn Th trong các văn bản tự khai, biên bản lấy lời khai trình bày:*

Anh xác định số tiền 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng) chị Th cho chị H1 vay là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh và chị Th. Nguồn gốc số tiền do anh và chị Th thế chấp nhà, đất vay ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn số tiền 1.700.000.000 đồng vào khoảng năm 2018. Mục đích vay tiền để trả nợ mua nhà và đầu tư quán bia, còn lại số tiền 400.000.000 đồng anh đưa chị Th quản lý để kinh doanh. Việc kinh doanh quán bia và kinh doanh online do chị Th đảm nhiệm. Đến tháng 01/2022 gia đình anh đã bán ngôi nhà thế chấp trả nợ xong ngân hàng. Anh yêu cầu Tòa án phân chia cho anh được hưởng số tiền chị Th cho vợ chồng chị H1 vay theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị

đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bé Thị Th; buộc anh Trần Mạnh H và chị Nông Thị Thu H1 phải trả cho chị Bé Thị Th và anh Đàm Văn Th số tiền nợ gốc là 234.000.000 đồng và tiền lãi đối với các khoản vay theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đàm Văn Th đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện từ tháng 10/2020 đến ngày 07/3/2021. Ngày 15/9/2021, nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn là chị Bé Thị Th khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Trần Mạnh H và chị Nông Thị Thu H1 phải trả chị số tiền nợ gốc 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng là 13,5%/năm, tính từ ngày 08/4/2021 cho đến khi anh H, chị H1 thanh toán xong khoản nợ. Chứng cứ nguyên đơn

xuất trình là quyển sổ tay ghi cụ thể các lần cho chị H1 vay tiền. Về phía bị đơn là chị H1 cũng đã xác nhận còn nợ chị Th số tiền vay là 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng). Tuy nhiên chị H1 không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của chị Th. Bị đơn là anh H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Xét việc vay tiền giữa chị Th và chị H1 đã được chị H1 xác nhận còn nợ chị Th số tiền gốc là 234.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền giữa chị Th và chị H1 thành nhiều đợt; có đợt thể hiện thời hạn vay, có đợt không thể hiện thời hạn và đều không thỏa thuận lãi suất. Chị H1 cho rằng trong quá trình vay chị H1 đã trả chị Th số tiền lãi là 113.810.000 đồng nên chị không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của chị Th. Liên quan đến số tiền lãi chị H1 khai đã trả lãi chị Th, Tòa án đã tạm đình chỉ vụ án và có công văn cùng tài liệu kèm theo chuyển đến Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để điều tra làm rõ hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tuy nhiên, Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã có văn bản xác định: không đủ căn cứ kết luận Bé Thị Th cho Nông Thị Thu H1 vay tiền phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” hoặc tội phạm khác được quy định trong Bộ luật Hình sự. Đồng thời, hợp đồng vay tài sản giữa chị Th và chị H1 không thỏa thuận về lãi suất. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không xét khoản tiền lãi mà chị H1 đã trả chị Th như đã nêu trên.

Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đàm Văn Th đề nghị xác định khoản tiền chị Th cho vợ chồng chị H1 vay là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Th và anh Th, thấy: Chị Th khai đây là tiền riêng của chị cho vợ chồng chị H1 vay, không liên quan đến anh Th. Tuy nhiên, chị Th không đưa ra được căn cứ chứng minh là tiền riêng của chị Th. Về phía anh Th đưa ra căn cứ chứng minh nguồn tiền chị Th cho chị H1 vay là tiền vợ chồng anh thế chấp nhà, đất vay ngân hàng. Khoản tiền chị Th cho chị H1 vay trong thời kỳ hôn nhân với anh Th. Do đó, có căn cứ xác định khoản tiền chị Th cho chị H1 vay là tài sản chung của chị Th và anh Th là phù hợp với Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét nghĩa vụ trả nợ chung của chị H1 và anh H, thấy: Mặc dù anh H và chị H1 đều cho rằng chị H1 vay tiền của chị Th không liên quan đến anh H nhưng khoản tiền chị H1 vay của chị Th trong thời kỳ hôn nhân của chị H1 và anh H. Việc chị H1 vay tiền để làm ăn phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Tại phiên tòa, anh H cũng xác định cùng chung trách nhiệm trả nợ với chị H1. Vì vậy, cần xác định đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và vợ chồng chị H1, anh H phải có nghĩa vụ trả nợ chung là phù hợp với Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu thanh toán lãi của nguyên đơn, thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất; có khoản ghi thời hạn vay và có khoản không ghi thời hạn vay hoặc thời hạn vay không cụ thể. Do đó, căn cứ vào Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn như sau:

- Đối với các khoản vay có thời hạn, không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ theo quy định tại các Điều luật nêu trên thì bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi tổng số tiền gốc tính từ khoản cho vay cuối cùng là ngày 08/4/2021 có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận; trừ lần vay thứ 9 ngày 10/02/2021 hạn 02 tháng trả nên thời gian tính lãi từ ngày 11/4/2021, cụ thể:

+ Lần 4 ngày 28/01/2021 chị Th cho chị H1 vay 15.000.000 đồng, hạn 30 ngày trả; Lần 7 ngày 05/02/2021 chị Th cho chị H1 vay 20.000.000 đồng, hạn 02 tháng trả; Lần 10 ngày 04/3/2021 chị Th cho chị H1 vay 10.000.000 đồng, hạn 01 tháng trả; Lần 11 ngày 07/3/2021 chị Th cho chị H1 vay 15.000.000 đồng, hạn 01 tháng trả. Tổng cộng là: 60.000.000 đồng. Cần buộc bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/12/2022) là:  $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 10.059.600 \text{ đồng}$ .

+ Lần 9 ngày 10/02/2021 chị Th cho chị H1 vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), hạn 02 tháng trả. Cần buộc bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 11/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/12/2022) là:  $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 3.336.599 \text{ đồng}$ .

- Đối với các khoản cho vay không ghi thời hạn vay hoặc thời hạn cho vay ghi không cụ thể và không có lãi: Căn cứ vào ngày nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ là ngày 26/4/2021 (đã được bị đơn xác nhận) nhưng bị đơn không trả dẫn đến việc nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, xác định thời gian hợp lý để tính thời gian chậm trả nợ gốc không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo (từ ngày 26/4/2022) là ngày 25/7/2021 và thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm là từ ngày 26/7/2021 đến ngày 13/12/2022. Cụ thể:

Lần 1 vào tháng 10/2020 chị Th cho chị H1 vay 20.000.000 đồng; Lần 8 ngày 09/02/2021 chị Th cho chị H1 vay 40.000.000 đồng (thời hạn trả đều ghi không rõ ràng); Lần 2 ngày 16/01/2021, chị Th cho chị H1 vay 30.000.000 đồng; Lần 3 ngày 19/01/2021 chị Th cho chị H1 vay 10.000.000 đồng; Lần 5 ngày 29/01/2021 chị Th cho vợ chồng chị H1 vay 10.000.000; Lần 6 ngày 02/02/2021, chị Th cho chị H1 vay 44.000.000 đồng (đều không thời hạn). Tổng cộng là: 154.000.000 đồng. Cần buộc bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 26/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/12/2022) là: 154.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 năm 04 tháng 18 ngày = 21.218.120 đồng.

Tổng cộng tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 34.614.319 đồng- làm tròn số: 34.614.000 đồng

Từ những căn cứ trên, cần buộc anh Trần Mạnh H và chị Nông Thị Thu H1 phải có nghĩa vụ trả nợ chung cho chị Bé Thị Th và anh Đàm Văn Th số tiền nợ gốc là 234.000.000 đồng và 34.614.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là: 268.614.000 đồng

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bé Thị Th.
2. Buộc anh Trần Mạnh H và chị Nông Thị Thu H1 phải có nghĩa vụ trả nợ chung cho chị Bé Thị Th và anh Đàm Văn Th số tiền nợ gốc là 234.000.000 đồng và 34.614.000 đồng tiền lãi suất tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 13/12/2022). Tổng cộng, anh H và chị H1 phải trả chị Th và anh Th số tiền là 268.614.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về án phí: Chị Bé Thị Th không phải chịu án phí phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Th số tiền 9.354.000 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng) chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003490 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Anh Trần Mạnh H và chị Nông Thị Thu H1 phải nộp 13.430.700 đồng- làm tròn số là 13.431.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi một nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- L hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thế H**